

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2022/DSST
Ngày: 08 – 8 – 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Thạch**

2. Bà **Dương Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bích Du**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Th**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường D, Thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà **Phan Thị K**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Nhà số X, hẻm Z, đường N, khu phố H, phường K, Thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1954; địa chỉ: Số L, đường P, khu phố H,

phường HT, thị xã K, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ KIẾN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày:

Giữa anh Th với bà B có quen biết với nhau nên ngày 06/3/2018 bà B có vay anh Th 330.000.000 đồng, hẹn trong vòng 7 đến 10 ngày sẽ trả cho anh Th với mức lãi suất 3%/1 tháng, bà B đã trả lãi cho anh Th được 2 tháng là 19.800.000 đồng. Ngày 10/5/2018 bà B tiếp tục vay anh Th 250.000.000 đồng, bà B hẹn từ 7 đến 10 ngày bà B đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả đầy đủ số tiền 580.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cho anh Th, sau khi viết giấy nợ anh Th đã giao đủ số tiền vay cho bà B. Cả hai giấy vay tiền đều do bà B tự viết, đến thời hạn trả nợ anh Th có điện thoại và xuống nhà yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B không chịu trả. Việc vay mượn tiền giữa anh Th với bà B có giấy tờ đầy đủ do bà B tự viết và kí tên, không liên quan gì đến bà Th1 – mẹ anh Th nên bà Th1 từ chối tham gia tố tụng. Đối với số tiền lãi bà B đã trả được 19.800.000 đồng là mức lãi theo quy định của pháp luật, từ tháng 6/2018 đến nay bà B không trả được cho anh Th khoản tiền lãi nào. Nay anh Th khởi kiện yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả cho anh Th 580.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà B trình bày: Giữa bà B với bà Th1 là mẹ của anh Th quen biết nhau đã lâu, bà B có hay vay tiền của bà Th1 để đáo hạn Ngân hàng, năm 2018 bà B vay tiền bà Th1 để đáo hạn Ngân hàng thì bà Th1 kêu bà B viết giấy nợ cho anh Th nên ngày 06/3/2018 bà B có viết giấy vay anh Th 330.000.000 đồng, ngày 15/3/2018 bà B đã trả cho anh Th 250.000.000 đồng, còn thiếu 80.000.000 đồng tiền gốc, sau đó bà B lại vay thêm 20.000.000 đồng. Nhiều lần bà B không có tiền đóng lãi và trả tiền gốc thì bà Th1 cộng dồn lại số tiền gốc và lãi còn thiếu là 250.000.000 đồng nên ngày 10/5/2018 bà Th1 yêu cầu bà B viết giấy nợ 250.000.000 đồng, thực chất bà B không vay anh Th số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền vay 330.000.000 đồng ngày 06/3/2018 bà B đã trả được 250.000.000 đồng, khi trả tiền thì bà B trả cho bà Th1 là mẹ của anh Th nhưng không lấy giấy tờ vì bà Th1 nói tiền cho bà B mượn là do bà Th1 đi mượn của người khác, khi người ta đưa giấy cho bà Th1 thì bà Th1 sẽ đưa lại giấy cho bà B. Bà B là người trực tiếp trả tiền cho bà Nguyễn Thị Th1 là mẹ anh Th. Từ tháng 5/2018 âm lịch mỗi ngày bà B phải trả tiền lãi cho bà Th1 là 2.600.000 đồng, trả đến hết tháng 10/2018 âm lịch thì bà B không còn khả năng. Bà B trả tiền lãi cho bà Th1 không có giấy tờ, chứng cứ gì. USB bà B cung cấp cho Tòa án là cuộc ghi âm điện thoại giữa con gái bà B là chị Nguyễn Thị Huyền A với bà Th1, trong cuộc gọi đó có bà B, chị A và bà Th1 nói chuyện. Nội dung của đoạn ghi âm về khoản tiền nợ 330.000.000 đồng bà B đã trả cho bà Th1 được 250.000.000 đồng rồi. Bà B chỉ còn nợ bà Th1

80.000.000 đồng, sau đó vay thêm nhiều lần rồi cộng dồn tiền lãi và gốc nên đến ngày 10/5/2018 Th số nợ 260.000.000 đồng. Nay anh Th yêu cầu bà B trả 580.000.000 đồng bà B chỉ đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng, không đồng ý trả 580.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về việc đưa vụ án ra xét xử trễ hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th đối với bà B. Buộc bà B có nghĩa vụ trả cho anh Th số tiền vay 580.000.000 đồng, ghi nhận anh Th không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-12-2021 anh Nguyễn Minh Th yêu cầu bà Võ Thị B phải trả số tiền vay 580.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và bà B cư trú tại địa chỉ: Số L, đường P, khu phố H, phường HT, thị xã K, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về khoản tiền vay: Việc bà B vay anh Th 330.000.000 đồng ngày 06/3/2018, vay 250.000.000 đồng ngày 10/5/2018, tổng cộng 580.000.000 đồng là có thật. Cả hai lần vay tiền bà B đều tự viết giấy vay tiền và tự kí tên, bản thân bà B cũng thừa nhận bà là người tự viết và kí tên hai giấy vay tiền đó. Kể từ thời điểm hai bên ký kết giấy mượn tiền nói trên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

[3]. Quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn thừa nhận bà B chỉ trả được 2 tháng tiền lãi là 19.800.000 đồng, đối với tiền gốc bà B chưa trả cho anh Th được khoản nào. Bị đơn bà Võ Thị B cho rằng số tiền bà vay thực chất là vay của bà Th1 mẹ anh Th vì anh Th còn nhỏ không có tiền để cho vay, cụ thể: ngày 06/3/2018 vay 330.000.000 đồng, ngày 15/3/2018 bà B trả cho anh Th 250.000.000 đồng, còn thiếu 80.000.000 đồng, nhiều lần bà B không có tiền đóng lãi và vay thêm thì bà Th1 cộng dồn lại số tiền gốc và lãi còn thiếu là 250.000.000 đồng nên ngày 10/5/2018 bà Th1 yêu cầu bà B viết giấy nợ 250.000.000 đồng.

[4] Xét lời khai của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn thấy rằng: Bà B thừa nhận chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 06/3/2018 và ngày 10/5/2018 bà B tự viết và kí tên, mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng phù hợp với lời khai của bà B tại bút lục 23-24. Bà B cho rằng do bà Th1 mẹ anh Th ép bà B viết giấy nợ với anh Th nhưng không có căn cứ vì bà B vẫn còn minh mẫn, bà B cũng không trình báo chính quyền địa phương về việc bị ép viết giấy nợ. Đối với USB bà B cung cấp cho Tòa án bà B cho rằng đó là nội dung cuộc nói chuyện giữa bà B, chị Huyền A con gái bà B với bà Th1 về việc bà B đã trả được cho bà Th1 250.000.000 đồng của số tiền vay 330.000.000 đồng ngày 06/3/2018. Qua kiểm tra văn bản bà B dịch từ đoạn ghi âm cũng như nghe trực tiếp đoạn ghi âm không có nội dung nào thể hiện bà Th1 thừa nhận bà B đã trả được 250.000.000 đồng, tại biên bản làm việc ngày 16/6/2022 và bản tự khai ngày 30/6/2022 bà Th1 xác định giọng nói trong đoạn ghi âm không phải của bà Th1, bà Th1 cũng khẳng định việc vay mượn tiền giữa anh Th với bà B không liên quan gì đến bà Th1, anh Th đã trên 18 tuổi nên có quyền tự quyết định về tài sản của mình, bà B cũng không có đơn yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm. Bà B cho rằng bà B đã trả đủ tiền cho bà Th1, chỉ còn thiếu 80.000.000 đồng, còn số tiền vay 250.000.000 đồng ngày 10/5/2018 là không có thật, đó là tiền nợ lãi chồng lãi nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Do đó, lời trình bày của bà B là không có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn thừa nhận bà B đã trả được 2 tháng tiền lãi của số tiền vay 330.000.000 đồng là 19.800.000 đồng từ năm 2018. Xét thấy đây là khoản tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 3% là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên không cần phải khấu trừ vào khoản nợ gốc. Ghi nhận người đại diện của nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi nên không đặt ra giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th đối với bà B. Buộc bà B trả cho anh Th tiền vốn vay, ghi nhận anh Th không yêu cầu tính lãi.

[8] Về án phí sơ thẩm dân sự: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 580.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Võ Thị B đã 68 tuổi và có đơn đơn xin miễn tiền án phí nên miễn án phí cho bà B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 26, 39, 92, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th đối với bà Võ Thị B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Minh Th số tiền 580.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi triệu đồng*).

Ghi nhận anh Th không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Minh Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.600.000 đồng (*mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0020465 ngày 09-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS Thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thị Nguyễn

